

Bản án số: **126/2017/HC-PT**

Ngày: 18/8/2017

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phán: Ông **Phạm Bá Sơn**.

Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**.

Ông **Lê Tự**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Ba**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 126/2017/TLPT - HC ngày 31/5/2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 21 tháng 04 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N

Cùng trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Kon Tum. Có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà N: Ông Đinh Văn H, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: Số 592 đường N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện Đ3, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: thị trấn Đ3, huyện Đ3, tỉnh Kon Tum

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Nghĩa T – Phó chủ tịch thường trực UBND huyện Đ3. Có mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã Đ2, huyện Đ3. Vắng mặt

2. Ông Nguyễn Văn T

Trú tại: Thôn Đ1, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Kon Tum. Có mặt

3. Ông Trần Quang C

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ2, huyện Đ3, tỉnh Kon Tum. Có mặt

*** Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đồng khởi kiện - ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N trình bày tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2016; đơn khởi kiện bổ sung vào các ngày 23/5/2016, 20/6/2016, 25/7/2016 và tại phiên tòa như sau:*

Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum hủy Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3 và giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 597529 mà UBND huyện Đ3 đã cấp cho vợ chồng ông bà ngày 05/7/2012, thửa số 90, tờ bản đồ số 69, tại thôn 11, xã Đ4 (nay là thôn Đ, xã Đ2) huyện Đ3, tỉnh Kon Tum.

Lý do: trước năm 1995, tại khu vực lô rẫy cà phê của gia đình ông bà tại thôn Đ, xã Đ2, huyện Đ3 không có đường đi sản xuất nào. Đến năm 1995, ông bà được giám đốc xí nghiệp Thủy Nông Đ5 xét duyệt cho phép khai hoang, nhận khoán 01 làm kinh tế gia đình tại khu đất này. Từ năm 1995, ông bà tự bỏ vốn khai hoang đất và mở đường đi phục vụ cho sản xuất cà phê riêng. Khi nhà nước có chủ trương cấp GCNQSDĐ cho người dân, từ năm 2001 đến năm 2012 vợ chồng ông H bà N đã nhiều lần liên hệ với bộ phận địa chính tại xã Đ5 và đều được hướng dẫn thủ tục làm đơn, kê khai, xác nhận của hộ liền kề là không có tranh chấp. Năm 2012, UBND huyện Đ3 đã cấp GCNQSDĐ: số BH 597529 cấp ngày 05/7/2012 cho ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N, tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 69, thôn 11, xã Đ5. Phần diện tích 616,8m² mà Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3 thu hồi nằm trong GCNQSDĐ số BH 597529 cấp ngày 05/7/2012, diện tích này không phải là đường

đi mà là diện tích đất của vợ chồng ông bà tự mở đường đi sản xuất riêng. Vì vậy, Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3 là không có cơ sở.

Ngày 11/01/2017, tại buổi Kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại tại TAND tỉnh Kon Tum và tại phiên tòa, ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N yêu cầu bồi thường thiệt hại tiền công lao động tính theo thu nhập từ lương thực tế hiện tại của vợ chồng ông bà và tiền xăng xe đi lại trong quá trình giải quyết vụ án số tiền: 6.020.895 đồng (trong đó: Tiền công là 5.720.895 đồng, tiền xăng xe là 300.000 đồng). Các thiệt hại khác ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với các hộ dân trước đây có khiếu nại vợ chồng ông bà về đường đi và có chặt phá cây cà phê của vợ chồng ông bà trong diện tích đất tại khu vực này, thì vợ chồng ông bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này mà sẽ yêu cầu giải quyết bằng hình sự trong vụ án khác.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Đ3 - ông Hoàng Nghĩa Trí trình bày như sau:*

UBND huyện Đ3 đã ban hành Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 597529 cấp ngày 05/7/2012 cho ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N, tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 69, thôn 11, xã Đ5, huyện Đ3, tỉnh Kon Tum được thực hiện theo đúng quy trình, trình tự của Luật Đất đai và các quy định hiện hành.

Từ kết quả kiểm tra các hồ sơ, tài liệu, xác minh về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, hiện trạng đất đang xảy ra tranh chấp đường đi sản xuất và kết quả thẩm tra đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 597529, cấp ngày 05/7/2012 cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N, tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 69, diện tích 13.013,4 m² tại thôn 11, xã Đ5 (nay là thôn Đ, xã Đ2), huyện Đ3, tỉnh Kon Tum, xác định:

Vị trí đất đang xảy ra tranh chấp đường đi sản xuất có nguồn gốc là đất hoang hóa, khoảng trước năm 1987 do đơn vị thi công làm kênh mương nổi Hồ chứa nước Đ5 dùng xe múc đất hai bên để lại đường đi ở giữa sử dụng cho việc chở đất đắp kênh mương thủy lợi Đập Mùa Xuân và sau đó lối mòn này thành đường đi được các hộ dân (trong đó có gia đình ông Nguyễn Công H) sử dụng ổn định liên tục đi lại sản xuất từ trước năm 1995 (khoảng trước năm 1987) đến năm

2014, đến khi gia đình ông Nguyễn Công H đào hố trồng cà phê năm 2014 thì xảy ra tranh chấp với các hộ dân liên quan là có thực tế.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị UBND huyện Đ3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N (số BH 597529, ngày 05/7/2012 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 69, diện tích 13.013,4 m²) chưa tuân thủ đúng quy trình, không thực hiện công khai theo quy định pháp luật, cụ thể:

+ Trong quá trình lập, xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 597529 ngày 05/7/2012 tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 69, với diện tích 13.013,4 m² cho hộ ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N, UBND xã Đ5 không thực hiện việc thẩm tra về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, không tổ chức lấy ý kiến khu dân cư theo quy định tại Điểm 1, Mục 1, Thông tư số 06/2007/TT-BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

+ Ủy ban nhân dân xã Đ5 tiếp nhận Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thực hiện các bước theo quy trình, không tổ chức họp theo quy định, mà hồ sơ đề nghị cấp quyền sử dụng đất được ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N tự đến nhà lấy chữ ký xác nhận của các hộ có tứ cận giáp ranh và cán bộ Địa chính xã Đ5 tự lập hồ sơ đưa cho những thành phần liên quan ký (Trưởng thôn 11, Chủ tịch UBNDTTQVN xã Đ5) và trình trực tiếp lên lãnh đạo UBND xã Đ5 ký xác nhận, UBND xã Đ5 không công bố công khai kết quả kiểm tra nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất tại trụ sở UBND xã Đ5 trong thời hạn 15 ngày để xem xét các ý kiến phản ánh về nội dung công khai là không đúng quy định tại Điểm 2, Mục I, Thông tư số 06/2007/TT- BTNMT ngày 02/7/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và điểm a và điểm b, Khoản 2, Điều 14 của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

+ Việc thực hiện trích đo địa chính thửa đất, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 597529 cấp ngày 05/7/2012 cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N tại thửa đất số 90, tờ bản đồ 69, với diện tích 13.013,4 m² là không đúng như vị trí thể hiện nằm ở tờ bản đồ 69, thực tế thửa đất lại nằm sát thửa đất số 4, tờ bản đồ 70, là không đúng theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 14, Mục 2, Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ.

Việc ông Nguyễn Văn T, bà Bùi Thị Th ký trong Biên bản xác minh ranh giới các hộ sử dụng đất tứ cận ngày 15/6/2012 và Biên bản cuộc họp xác minh về nguồn gốc nhà ở, đất ở ngày 15/6/2012 do ông Nguyễn Công H trực tiếp đến nhà đưa ký, là không thể đại diện cho những hộ dân khác có cùng sử dụng đường đi chung để đi lại sản xuất. Do đó, không có cơ sở để công nhận 616,8 m² (Tòa án đo

đạt thực tế 685 m²) đường đi sản xuất đang xảy ra tranh chấp là nằm trong phần đất do gia đình ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N khai hoang trồng cà phê từ năm 1995 và tự mở đường đi.

Năm 1995, gia đình ông Nguyễn Công H đến khai hoang đất và trồng cà phê, đến năm 2006 gia đình ông Nguyễn Công H dùng máy móc hạ độ dốc của đường là để giúp cho xe cộ của gia đình ông Nguyễn Công H đi lại dễ dàng hơn, cũng như việc vận chuyển của các hộ có liên quan. Từ kết quả trên, khẳng định phần diện tích đất hiện đang xảy ra tranh chấp đường đi sản xuất với diện tích 616,8m², có nguồn gốc là đường đi sản xuất chung được các hộ dân liên tục đi lại sản xuất, vận chuyển nông sản, sử dụng ổn định từ trước năm 1987 đến năm 2014 và đường đi này đã có từ trước khi gia đình ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N đến khai hoang đất trồng cà phê năm 1995; ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N không trực tiếp sản xuất trên diện tích đất 616,8m² đang có tranh chấp từ năm 1995 cho đến thời điểm đào hố trồng cà phê năm 2014; đồng thời, ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N không có giấy tờ gốc nào khác chứng minh về nguồn gốc quá trình thực tế sử dụng đất của gia đình ngoài các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị UBND huyện Đ3 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, diện tích đất đang tranh chấp đường đi nêu trên không đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan UBND xã Đ2 trình bày như sau: diện tích đất của ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N được UBND huyện Đ3 cấp GCNQSDĐ số BH 597529 ngày 05/7/2012 hiện có vị trí tại: Thôn Đ4, xã Đ2, huyện Đ3. Diện tích đất này đang có tranh chấp khởi kiện tại Tòa án đối với Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3, toàn bộ phần diện tích đất này hiện nay do UBND xã Đ2 quản lý. Đối với diện tích 616,8m² đất theo Quyết định số 108/QĐ- UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3, qua làm việc và quản lý, UBND xã Đ2 nắm bắt thông tin từ các hộ dân lân cận và những hộ dân sản xuất tại khu vực tranh chấp, thì diện tích 616,8m² này là đường đi chung chứ không phải đường đi riêng của ông H bà N. Diện tích đất này đang có tranh chấp theo đơn của ông H bà N, tuy thuộc địa bàn quản lý của xã Đ2 nhưng chưa có quyết định cuối cùng của Tòa án nên UBND xã Đ2 chưa thể quản lý diện tích này như là đất công cộng. Sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án giao cho ai quản lý thì UBND xã Đ2 sẽ chấp hành.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và ông Trần Quang C trình bày:

Việc UBND huyện Đ3 ban hành Quyết định 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 để thu hồi GCNQSDĐ và thu hồi một phần diện tích đất của ông H, bà N trong vụ án này không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của các ông, nên các ông không có ý kiến gì. Còn việc trước đây các ông có đơn khiếu nại vợ chồng ông H đến chính quyền địa phương cũng chỉ nhằm mục đích yêu cầu vợ chồng ông H trả lại đường đi chung tại rẫy cà phê của vợ chồng ông H để mọi người cùng đi lại vận chuyển nông sản, chứ các ông không có tranh chấp đất này với vợ chồng ông H.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 21/4/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện ngày 21/4/2016 và đơn khởi kiện bổ sung vào các ngày 23/5/2016; 20/6/2016; 25/7/2016 của ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/5/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 21/4/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Lý do kháng cáo: Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 21/4/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã xét xử vụ án không khách quan, không công bằng, không áp dụng đúng các quy định của pháp luật đất đai, các quy định pháp luật về tổ tụng hành chính gây thiệt hại về quyền và lợi ích chính đáng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến gia đình ông, bà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm và đề nghị không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3, tỉnh Kon Tum, về việc “Thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597529 UBND huyện Đ3 cấp ngày 05/07/2012 cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N”

Ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N kháng cáo cho rằng: Bản án số 01/2017/HC-ST ngày 21/04/2017 của TAND tỉnh Kon Tum bác yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3, tỉnh Kon Tum là không đúng pháp luật. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 597529 UBND huyện Đ3 cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N ngày 05/07/2012 là đúng pháp luật.

Xét thấy: Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597529 UBND huyện Đ3 cấp ngày 05/07/2012 cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N có diện tích 13.013,4 m²; Loại đất: nông nghiệp. Qua đo đạc thực tế là 13.410,11 m² trồng cây lâu năm. Qua khiếu nại và kết quả thanh tra của UBND huyện Đ3; Có cơ sở để xác định thửa đất số 90, tờ bản đồ 69 tại thôn 11 xã Đ5(nay là thôn Đ, xã Đ2) có phần diện tích 616,8m² có nguồn gốc là đường đi sản xuất chung được các hộ dân liên tục đi lại sản xuất, vận chuyển nông sản từ năm 1987; Tức là trước thời điểm ông H, bà N đến khai hoang để trồng cà phê. Do diện tích đất đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông H, bà N của UBND huyện Đ3 không đúng quy định tại các điểm a, b Điều 14 của Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ. Vì vậy, Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 02/02/2016 của UBND huyện Đ3 về việc “Thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH 597529 UBND huyện Đ3 cấp ngày 05/07/2012 cho ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N” là đúng quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N, về việc “Yêu cầu hủy Quyết định số 108/QĐ-UBND của UBND huyện Đ3, tỉnh Kon Tum” là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy, nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Công H, bà Nguyễn Thị N không có cơ sở để chấp nhận. Ông H, bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của ông, bà Nguyễn Công H – Nguyễn Thị N. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N, về việc “Hủy Quyết định số 108/QĐ-UBND của UBND huyện Đ3, tỉnh Kon Tum”.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; Án phí sơ thẩm.

3. Án phí hành chính phúc thẩm ông Nguyễn Công H và bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng. Được trừ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2014/0000469 ngày 15/05/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Bá Sơn